

Bản án số: 357/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 11/7/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Trần Thị Thanh Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi – thư ký Tòa án nhân dân Quận 4

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4, Tp. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 419/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2024/QĐXX - ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976

Địa chỉ: A H, Phường T, Quận G, Tp .

Bị đơn: bà Đặng Thị Kim P sinh năm 1976

Địa chỉ: A Xóm C, Phường A, Quận D, Tp .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH D

Trụ sở: B G, Phường T, Quận T, Tp .

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng C

Địa chỉ: B Ấp A, xã P, huyện N, Tp .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2023, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp sau đó, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông và bà P tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận D, Tp . vào ngày 26/4/1998. Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 22. Theo ông S cuộc sống chung bất đồng quan điểm, mạnh ai nấy lo, không có sự hòa hợp. Chủ yếu về lời ăn tiếng nói, sinh hoạt hằng ngày thường xuyên không thống nhất cãi nhau, có mẹ ông và các chị em ông biết.

Bất đồng khoảng 05-06 năm, ly thân khoảng 04 năm. Đã sống riêng 03-04 năm, bà P sống tại nhà chung, bản thân ông lúc thì sống ở cơ quan đi làm và trực cơ quan, lúc sống

với bạn bè ở Quận G, T. Bạn là nam. Địa chỉ: A H, Phường T, Quận G, Địa chỉ T G, T, Quận T và địa chỉ cơ quan B Hồ N, Phường A, Quận E. Nay nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục nên ông yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà P có 02 con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/7/2003 đã thành niên khi ly hôn ông vẫn tiếp tục nuôi con do con đang đi du học ở Mỹ và Nguyễn Minh A, sinh ngày 15/11/2014. Ông S đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Ông S xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà P trình bày: Về hôn nhân tôi không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Nếu như buộc phải ly hôn tôi cũng yêu cầu được nuôi con Nguyễn Minh A, sinh ngày 15/11/2014 và đồng ý nhận số tiền ông S cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: bà P xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ số tiền vốn 750.000.000 đồng mà ông S góp vào thành lập Công ty TNHH D. Yêu cầu Tòa đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Khi thu thập đủ chứng cứ bà sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH D- người đại diện theo pháp luật bà Phạm Thị Hồng C trình bày:

Ông S là thành viên của Công ty D theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng mỗi người góp 1.500.000.000 đồng thực chất ông S không góp tiền vào vốn điều lệ, kể cả bản thân bà cũng vậy. Vốn này chỉ mang tính chất hình thức (vốn ảo) không có nội dung và hiện nay pháp luật không bắt buộc công ty phải chứng minh vốn điều lệ của công ty là có hay không. Nên vấn đề yêu cầu của bà P chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, Công ty không có ý kiến. Tuy nhiên, với yêu cầu chia vốn điều lệ của quý tòa cần xem xét lại. Công ty cung cấp bản sao kê tài khoản để làm cơ sở cho Tòa án xem xét. Do ông S không có góp vốn điều lệ vào Công ty. Công ty không thu giữ tài sản gì của ông S. Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt Công ty trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Cam kết không thắc mắc khiếu nại gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; phía bị đơn bà Đặng Thị Kim P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH D- người đại diện theo pháp luật bà Phạm Thị Hồng C – có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Kim P. Bà P hiện thực tế cư ngụ tại địa chỉ A Xóm C, Phường A, Quận D, Tp . Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn S, bị đơn bà Đặng Thị Kim P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D - người đại diện theo pháp luật bà Phạm Thị Hồng C – tất cả có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị Kim P chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 22 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận D, Tp . cấp ngày 26/4/1998. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà P là hôn nhân hợp pháp. Nay ông S yêu cầu được ly hôn với bà P vì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, mạnh ai nấy lo, không có sự hòa hợp. Chủ yếu về lời ăn tiếng nói, sinh hoạt hằng ngày thường xuyên không thống nhất cãi nhau, hai bên đã sống ly thân một thời gian. Bị đơn bà P không đồng ý ly hôn vì cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Tòa án cũng nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Căn cứ biên bản xác minh tại địa chỉ nơi cư trú của đương sự “ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị Kim P kết hôn và sinh sống tại địa chỉ A Xóm C, Phường A, Quận D. Quá trình chung sống không thấy ông S, bà P xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, đánh nhau. Thấy sống hòa thuận còn thực tế hạnh phúc không thì không biết vì đây là việc riêng. Hiện tại bà P và con gái nhỏ đang sống tại địa chỉ trên. Còn ông S thì đi đi về về ” cho thấy mâu thuẫn giữa ông S và bà P là có nên đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc ông S yêu cầu ly hôn với bà P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn, bản sao Giấy khai sinh con chung thì có cơ sở xác định ông S và bà P có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/7/2003 đã thành niên và Nguyễn Minh A, sinh ngày 15/11/2014. Khi ly hôn ông S và bà P thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Minh A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phù hợp với lời khai nguyện vọng của con chung muốn sống với mẹ.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: ông S xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng định kỳ số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 9; 53; 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Đặng Thị Kim P (Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01, số 22 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận D, Tp . cấp ngày 26/4/1998)

- Về con chung: xác định ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị Kim P có 02 con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/7/2003 đã thành niên và Nguyễn Minh A, sinh ngày 15/11/2014.

Giao con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 15/11/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 15/7/2024 dương lịch.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu ông S chia tài sản chung là 1/2 số tiền vốn góp thành lập Công ty TNHH D. Ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị Kim P xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung của vợ chồng: ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị Kim P xác nhận không có.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn S phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0042376 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ngoài ra, ông S còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Hoàn trả cho bà **P** số tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu chia tài sản chung số tiền là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0034293 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thủy Tiên

TÒA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ Thị Thủy T1

